

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2014

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC ĐÀ NẴNG**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Lương thực Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400101764
- Vốn điều lệ: 50.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000 đồng
- Địa chỉ: 35 Cao Thắng- Quận Hải Châu- TP Đà Nẵng
- Số điện thoại: 05113.888626
- Số fax: 05113.821252
- Website: www.danafood.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): DNF

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Lương thực Đà Nẵng, tiền thân là Công ty Lương thực Quảng Nam Đà Nẵng được thành lập năm 1992 theo Quyết định số 2967/QĐ-UB ngày 17/10/1992 của UBND tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (QNĐN).

Năm 1996, Công ty Lương thực Quảng Nam Đà Nẵng trở thành thành viên của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam theo Quyết định số 120/TCT/TCLĐ-QĐ ngày 31/5/1996 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.

Năm 2000, Công ty Lương thực QNĐN chuyển giao một phần vốn và tài sản nằm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam cho UBND tỉnh Quảng Nam quản lý và sử dụng theo công văn số 39/CP-KTTH ngày 12/01/2000 và Công văn số 1978/TC/TCDN ngày 22/5/2000 của Bộ Tài chính.

Với chức năng, nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động SXKD các đơn vị chủ yếu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Công ty Lương thực Quảng Nam Đà Nẵng đã được đổi tên thành Công ty Lương thực Đà Nẵng tại Quyết định 070/QĐ-HĐQT ngày 04/7/2001 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.

Năm 2004, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Quyết định số 78/QĐ/BNN-TCCB ngày 13/01/2004 về việc sáp nhập Công ty Lương thực Quảng Ngãi vào Công ty Lương thực Đà Nẵng.

Ngày 09/12/2004 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Quyết định số 4446/QĐ/BNN-TCCB về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Lương thực Đà Nẵng thành Công ty cổ phần.

Ngày 01/04/2005, Công ty Lương thực Đà Nẵng chính thức chuyển đổi sang Công ty Cổ phần Lương thực Đà Nẵng.



Ngày 06/9/2010 Công ty CP Lương thực Đà Nẵng chính thức niêm yết trên thị trường upcom.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101764 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/3/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 08/8/2013 với các ngành nghề sau:

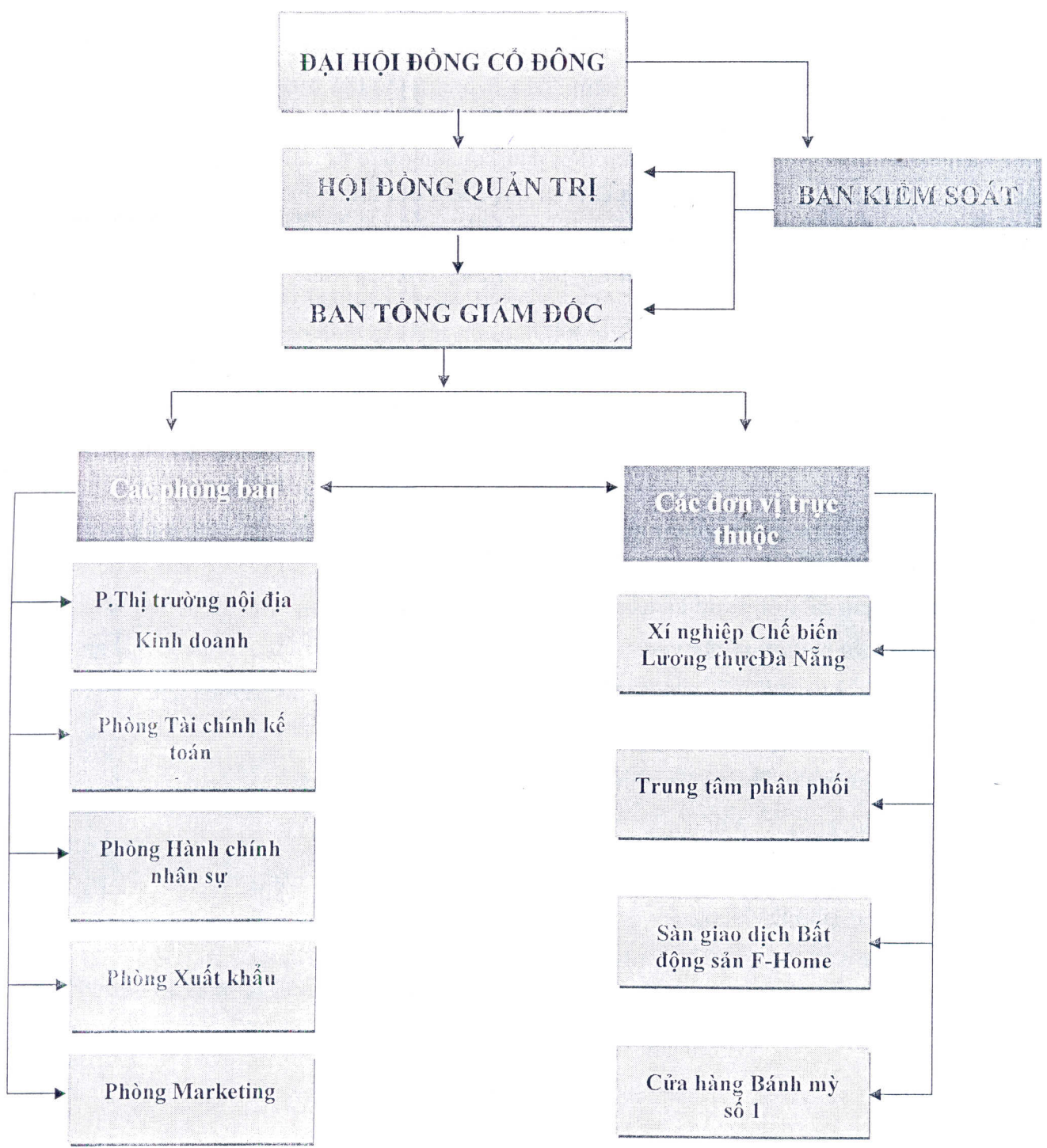
- Bán buôn gạo
- Xây dựng nhà các loại
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống
- Khách sạn
- Hoạt động của các điểm truy cập internet
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
- Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa phân được vào đâu
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
- Bán buôn thực phẩm
- Giáo dục mầm non
- Giáo dục nghề nghiệp
- Xay xát và sản xuất bột thô
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
- Sản xuất các loại bánh từ bột
- Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
- Giáo dục khác chưa phân được vào đâu
- Giáo dục tiểu học
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông
- Giáo dục thể thao và giải trí
- Đào tạo cao đẳng
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật

- Sản xuất vật liệu xây dựng và xây lắp
- Kinh doanh vật tư hàng hóa phục vụ nông nghiệp và đời sống nông thôn
- Dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị phụ tùng,
- Chế biến gỗ (gỗ có nguồn gốc hợp pháp).
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.
- Đầu tư xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T).
- Đầu tư xây dựng - kinh doanh - sở hữu (B.O.O) trong và ngoài nước.

Địa bàn kinh doanh: Thành phố Đà Nẵng và các tỉnh vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty thể hiện qua biểu đồ sau:



Các công ty có liên quan

- + Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của công ty: Không có
- + Công ty có trên 50% vốn góp do công ty nắm giữ: Công ty TNHH MTV Lương thực Hòa Khánh, vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng, Công ty Lương thực Đà Nẵng nắm giữ 100% vốn.
- + Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Hiện nay Công ty đang đầu tư vào một số Công ty liên kết, cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng

Số TT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Số vốn đầu tư	
			Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty CP Phú Tam Khôi	31.000.000.000	9.300.000.000	30%

5. Định hướng phát triển:

Nhận định tình hình kinh tế năm 2014 sẽ còn khó khăn, Công ty xác định phương hướng hoạt động SXKD, tái cấu trúc lại hệ thống, bố trí hợp lý các nguồn lực nhằm đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2014, Công ty sẽ tập trung kinh doanh các mảng truyền thống như : Kinh doanh lương thực, chế biến bánh mì; giáo dục mầm non; triển khai thực hiện dự án chung cư F-Home nhằm đón đầu làn sóng đầu tư mới do thị trường bất động sản đã có những tín hiệu tích cực (Luật đất đai được sửa đổi linh hoạt hơn, lãi suất đang giảm dần về mức khá hợp lý, các kênh đầu tư đô la, vàng không ổn định).

5.1/ Tập trung kinh doanh hàng lương thực, nông sản. Cụ thể:

- Lương thực chủ yếu là lúa gạo (quy gạo):

Kế hoạch bán ra với số lượng đạt 44.000 tấn doanh thu đạt 367.000.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Tiêu thụ nội địa đạt doanh thu 294.300.000.000 đồng tương đương số lượng bán ra 36.000 tấn.

+ Xuất khẩu gồm xuất khẩu trực tiếp và ủy thác: Giá trị kim ngạch đạt 2.909.000 USD với số lượng tiêu thụ 8.000 tấn

Phương hướng để đạt được kế hoạch:

a. Phương án thu mua đầu vào:

Thông tin về hệ thống kho bãi, MMTB phục vụ cho hoạt động SXKD lúa gạo:

- Kho lương thực tại tỉnh Tiền Giang:

Địa chỉ kho: xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Diện tích kho chứa: 3.000 m²

Sức chứa: 6.000 tấn thóc.

Kho tại thành phố Đà Nẵng

Địa chỉ kho: 186 Phạm Như Xương, Liên Chiểu, Đà Nẵng.

Diện tích kho: 2.100 m²

Sức chứa: 1.500 tấn

- Hệ thống xay xát đánh bóng tại Ấp 2, Tân Bình, Cai Lậy, Tiền Giang: công suất 10 tấn/giờ.

- Hệ thống xay xát đánh bóng tại 186 Phạm Như Xương, Liên Chiểu, Đà Nẵng: công suất: 30 tấn/ca.

- Phương thức tổ chức thu mua: 2 phương thức

+ Ký hợp đồng kinh tế với các đơn vị chuyên cung ứng lúa gạo thuộc Hiệp hội Lương thực Việt Nam đối với các đơn hàng lớn, thời gian làm hàng nhanh.

+ Tự tổ chức thu mua: Thành lập các nhóm thu mua gạo trực tiếp từ nông dân và thương lái nhỏ (mua trên ghe, xuống máy). Tổ thu mua chịu trách nhiệm về chất lượng gạo thu mua, báo cáo định kỳ về tiến độ thu mua của mỗi đợt và bảo quản, giữ gìn hàng hóa thu mua.

b. Phương án tiêu thụ:

- Đối với các hợp đồng tập trung:

+ Xuất khẩu:

• Đẩy mạnh công tác xuất nhập khẩu, đặc biệt là xuất khẩu trực tiếp. Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Tổng Công ty về xuất khẩu uỷ thác.

• Xây dựng đội ngũ làm công tác xuất khẩu trực tiếp hiệu quả, năng động.

+ Nội địa: Sản phẩm chính của hoạt động này là các loại gạo thông dụng: 5% tấm, 15% tấm, 25% tấm, gạo jasmine...

• Tham gia đấu thầu cung cấp lúa, gạo cho các Cục Dự trữ quốc gia: Vào tháng 3 hằng năm, Công ty thường xuyên tham gia đấu thầu cung ứng gạo cho Cục dự trữ Nhà nước tại các tỉnh thành với số lượng bình quân khoảng 6.000 – 7.000 tấn, doanh số ước tính của hoạt động này gần 62 tỷ đồng.

• Tham gia chương trình bình ổn giá do thành phố Đà Nẵng: Công ty là một trong các doanh nghiệp thường xuyên thực hiện nhiệm vụ chính trị này, số lượng cung ứng cho UBND thành phố khoảng 1.500 – 2.000 tấn/năm.

• Phân phối gạo cho các đại lý, các khách hàng truyền thống của Công ty trong những năm qua như bệnh viện, trường học, các đơn vị lực lượng vũ trang ...

• Tập trung đẩy mạnh công tác marketing, nghiên cứu thị trường, khai thác các khách hàng là trường học, đơn vị lực lượng vũ trang, các doanh nghiệp lớn có tổ chức bếp ăn tập thể, các nhà hàng, quán ăn.... nhằm tăng doanh số và tạo nguồn thu ổn định cho Công ty.

- Đối với kênh phân phối:

Tập trung đẩy mạnh kênh phân phối gạo với thương hiệu gạo mang tên “Ngọc Hương”. Mục tiêu kiểm soát 5-10% thị phần gạo tại thị trường Đà Nẵng và hướng đến mở rộng hơn cho những năm tiếp theo, Công ty đã phát triển được trên 250 khách hàng đại lý nhận tiêu thụ gạo Ngọc Hương, sản phẩm bước đầu nhận được nhiều sự quan tâm của người tiêu dùng tại Đà Nẵng. Lập kế hoạch marketing: tham gia các chương trình Hội chợ (Hội chợ Xuân, Hội chợ hàng Việt...) để quảng bá hình ảnh và sản phẩm của Công ty đến với khách hàng Đà Nẵng; Tổ chức bán hàng lưu động trên xe đến các chợ, các khu dân cư; phát tờ rơi, name card của trung tâm phân phối; Chương trình hỗ trợ đại lý trong các đợt khuyến mãi, giới thiệu sản phẩm mới...

Sản phẩm chính của hoạt động này là các loại gạo đặc sản được trồng tại các vùng chuyên canh: gạo lứt sữa, gạo tám thơm, gạo đặc sản khác...

c. Các hoạt động marketing sản phẩm gạo Ngọc Hương

Gạo Ngọc Hương là một trong những dòng sản phẩm được yêu chuộng nhất hiện nay của công ty Lương thực Đà Nẵng. Sản phẩm được lựa chọn công phu về xuất xứ vùng nguyên liệu, công nghệ chế biến đóng gói và mẫu mã bao bì, gạo NGỌC HƯƠNG đã trở thành dòng thương phẩm đầu tiên của Đà Nẵng đạt danh hiệu 3 không 2 có.

Không đầu trộn

Không dùng hóa chất tạo mùi

Không gian lận thương mại

Có nguồn gốc vùng nguyên liệu

Có hệ thống đóng gói và phân phối đồng bộ...

Các sản phẩm gạo Ngọc Hương của Công ty hiện nay gồm có:

Ngọc Hương đặc biệt

Ngọc Hương thơm mềm

Ngọc Hương nở mềm

Các chương trình marketing sản phẩm gạo Ngọc Hương:

- Nhằm tạo sự khác biệt trong sự nhận diện của khách hàng đối với sản phẩm gạo Ngọc Hương, Bộ phận Marketing của Công ty đã thiết kế, in ấn và cho ra đời bộ nhận diện thương hiệu gạo Ngọc Hương đẳng cấp. Tiện dụng với bao bì được thiết kế ấn tượng, khác biệt những dụng cụ bán hàng liên quan cũng được thiết kế đồng bộ, hệ thống nhận diện thương hiệu của gạo Ngọc Hương đã thực sự làm tốt nhiệm vụ của mình, tạo một thương hiệu gạo Ngọc Hương đẳng cấp, dễ thấy, dễ nhận diện và đã thực sự tạo SỰ KHÁC BIỆT đối với các sản phẩm gạo chợ khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Bên cạnh việc xây dựng hệ thống nhận diện đồng bộ cho gạo Ngọc Hương, để gia tăng doanh số gạo tại thị trường Đà Nẵng, Công ty đã thực hiện đồng bộ các chương trình marketing quảng bá sản phẩm. Các chương trình đó bao gồm:

+ Tham gia gian hàng hội chợ Hàng Việt và hội chợ Xuân định kỳ tại trung tâm triển lãm hội chợ, số 9 Cách Mạng Tháng 8, Đà Nẵng. Qua các kỳ hội chợ, sản phẩm và thương hiệu gạo Ngọc Hương đã tạo tiếng vang đối với người tiêu dùng Đà Nẵng.

+ Thực hiện hỗ trợ các đại lí, tạp hóa- các điểm phân phối gạo Ngọc Hương trong việc đẩy mạnh doanh số sản phẩm. Công ty đã hỗ trợ hệ thống nhận diện thương hiệu: bảng hiệu, tờ rơi, dụng cụ bán hàng... và các chương trình khuyến mãi trực tiếp tại điểm bán để hỗ trợ các nhà phân phối trong việc giới thiệu, bán sản phẩm đến người tiêu dùng cuối cùng.

d/ Kinh doanh chế biến thực phẩm:

Ngoài việc tổ chức tốt hoạt động SXKD tại các cửa hàng bánh mỳ hiện có, Công ty còn chú trọng việc xây dựng các chương trình marketing thường xuyên cho Bánh mỳ Quốc doanh nhằm quảng bá đến người tiêu dùng.

Doanh thu kế hoạch của hoạt động sản xuất bánh mỳ năm 2014: 05 tỷ đồng

Lợi nhuận gộp kế hoạch: 1,605 tỷ đồng

e/ Hoạt động giáo dục mầm non:

Trường Mầm non 29/3 được chuyển giao từ công lập sang tư thực cho Công ty CP Lương thực Đà Nẵng quản lý, với cơ sở hạ tầng đạt chuẩn, trang bị đầy đủ các tiện nghi phục vụ cho lớp học, có điều hòa không khí, thang máy, có đội ngũ giáo viên và nhân viên yêu trẻ, có nhiều kinh nghiệm, Trường đã bắt đầu ổn định và đi vào hoạt động. Doanh thu dự kiến năm 2014 đạt 3.600.000.000 đồng, lợi nhuận: 2.208.000.000 đồng.

f/ Hoạt động cho thuê kho, văn phòng:

Tòa nhà 35 Cao Thắng – Phường Thanh Bình - Quận Hải Châu có 7 tầng, hiện nay Công ty đang sử dụng 2 tầng để làm việc, còn lại đang khai thác cho thuê văn phòng và văn phòng đào tạo. Dự kiến năm 2014, doanh thu cho thuê kho, văn phòng làm việc của Công ty đạt 1.500.000.000 đồng, lợi nhuận gộp là 300 triệu đồng.

g/ Hoạt động đầu tư:

g.1/ Chung cư F-Home:

Hiện nay vấn đề nhà chung cư đang được xã hội quan tâm, đặc biệt chính phủ đã có những động thái hỗ trợ tích cực nhằm kích cầu thị trường bất động sản, Công ty đã linh hoạt trong hoạt động SXKD nhằm tháo gỡ những khó khăn, đón đầu có hội trong việc triển khai thực hiện dự án F-Home, với quy mô như sau:

- Tổng diện tích đất xây dựng: 4.105 m²
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 78.000 m²
- Số tầng cao xây dựng: 27 tầng
- Tổng diện tích thương mại – dịch vụ: Trên 18.000 m²
- Tổng số căn hộ: 680 căn.
- Địa điểm: 16 Lý Thường Kiệt – Phường Thạch Thang – Quận Hải Châu – TP Đà Nẵng
- Thời gian dự kiến khởi công và đưa vào khai thác: Thời gian dự kiến khởi công là ngày 29/3/2014, thời gian thi công dự kiến là 18-20 tháng.

Dự án F – Home là một dự án được xem là dự án nhà ở chung cư hấp dẫn ở Đà Nẵng với 3 tiêu chí: Trung tâm nhất, rẻ nhất và tiện nghi nhất. Với vị trí, tại 16 Lý Thường Kiệt, Phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, F-Home kết nối nhanh nhất với TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH, khách sạn năm sao NOVOTEL, chợ trung tâm, trường học các cấp, bệnh viện ĐA KHOA, điểm bắn pháo hoa SÔNG HÀN... chỉ bằng vài trăm bước chân hoặc một phút xe máy. Lợi thế có một không hai này khẳng định đây là dự án nhà ở thương mại TRUNG TÂM NHẤT. Với quy mô đầu tư hiệu quả nhất, F –Home tạo ra một không gian phục vụ đa năng bao gồm: trung tâm mua sắm, nhà hàng ăn uống, phòng Gym, nhà trẻ, khu vui chơi giải trí. Các căn hộ được thiết kế hoàn hảo kết hợp được tối ưu về công năng sử dụng và sang trọng về nội thất nhưng diện tích nhỏ (Từ 56m² – 69,5m²) nên vẫn đủ điều kiện để khách hàng được hưởng ưu đãi về vay vốn của gói 30.000 tỷ của chính phủ.

Dự án có hiệu quả về mặt kinh tế cho cả chủ đầu tư dự án, người lao động lao động và tăng thu cho ngân sách của địa phương khi đưa vào khai thác.

II. Các rủi ro: Trong quá trình hoạt động SXKD, Công ty phải chịu rất nhiều rủi ro về vốn, tài chính... Để giảm thiểu các rủi ro này, Công ty đã có những biện pháp quản lý các rủi ro trên nhằm chủ động và giảm thiểu các thiệt hại do rủi ro, cụ thể như sau:

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn

vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường:

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay và nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá hàng hóa. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc ngay từ đầu năm với các nhà cung cấp chính, đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi, đối chiếu công nợ, đôn đốc thu hồi nợ để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đối với những khách hàng không thanh toán đúng hạn, Công ty thực hiện phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

III. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1.	Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	413.442.293.956	416.498.665.929
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	2.160.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	413.442.293.956	416.496.505.929
4.	Giá vốn hàng bán	402.705.276.940	389.617.455.977
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	10.737.017.016	26.879.049.952
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	25.122.880.422	22.140.252.303
7.	Chi phí tài chính	26.957.696.392	30.239.834.336
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>25.502.088.673</i>	<i>29.175.100.325</i>
8.	Chi phí bán hàng	2.423.750.847	8.218.494.692
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.890.482.048	6.785.891.141
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	587.968.151	3.775.082.086
11.	Thu nhập khác	1.915.851.521	1.058.383.448
12.	Chi phí khác	1.733.714.619	1.241.558.143
13.	Lợi nhuận khác	182.136.902	(183.174.695)
14.	Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	(1.377.658.875)	(1.752.108.484)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(607.553.822)	1.839.798.907
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	141.250.972	637.022.433
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	540.647.035	565.330.898
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.289.451.829)	637.445.576
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	-
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(1.289.451.829)	637.445.576
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(258)	127

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Ông: Phạm Tấn Cung : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông : Trần Chí Nghĩa : Phó Tổng Giám đốc

Ông: Trần Kiều Việt Kỳ : Phó Tổng Giám đốc

Bà: Trần Thị Mỹ Linh : Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

*** Phạm Tấn Cung** **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 10/9/1965

- Nơi sinh: Đà Nẵng

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: 11 Nguyễn Thiện Thuật - Quận Hải Châu – TP Đà Nẵng
- Số CMND: 200739470
- Điện thoại liên lạc: 0903501952
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 01/1990 – 03/1993: Nhân viên KH Cty Xổ số kiến thiết QNĐN
 - Từ 04/1993 – 9/1997: Phó Chi nhánh XSKT II Điện Bàn trực thuộc Công ty Xổ số kiến thiết QNĐN
 - Từ 10/1997 – 06/1998: Phó phòng Kế hoạch Công ty Xổ số kiến thiết QNĐN.
 - Từ 07/1998 – 03/2005: Giám đốc Công ty TNHH MêKông
 - Từ 04/2005 – 07/2007: Phó TGD Công ty CP Lương thực Đà Nẵng
 - Từ 07/2007 – 3/2008: Thành viên Hội đồng quản trị - TGD Công ty CP Lương thực Đà Nẵng
- Từ 3/2008 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Lương Thực Đà Nẵng
- Số cổ phần sở hữu: 1.445.488 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 28,91%
- * **Trần Chí Nghĩa:** **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 28/02/1978
 - Nơi sinh: Đà Nẵng
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Đà Nẵng
 - Địa chỉ thường trú: 31C Phan Bội Châu - Thạch Thang – TP Đà Nẵng
 - Số CMND : 201372551
 - Điện thoại liên lạc: 0913419519
 - Trình độ học vấn: Thạc sĩ
 - Trình độ chuyên môn: Quản lý Công nghiệp - QTKD
 - Quá trình công tác:
 - Từ 2004 - 2006: Trưởng phòng Nghiệp vụ Trung tâm khuyến công Đà Nẵng.
 - Từ 2007 – 5/2008 : Phó giám đốc Trung tâm khuyến công Đà Nẵng.
 - Từ 6/2008 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lương thực Đà Nẵng.
 - Từ 4/2011 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP

Lương thực Đà Nẵng.

- Số cổ phần sở hữu: 40.881 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,82%

*** Trần Kiều Việt Kỳ: Phó Tổng Giám đốc Công ty**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 16/05/1981

- Nơi sinh: Quảng Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Phường Thuận Lộc – Tp Huế - Thừa Thiên Huế

- Địa chỉ thường trú: 50 Nguyễn Giản Thanh – P.An Khê – Q.Thanh Khê – Đà Nẵng

- Số CMND : 201620780

- Điện thoại liên lạc: 0905383055

- Trình độ học vấn: Đại học

- Trình độ chuyên môn:

+ Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp;

+ Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

- Quá trình công tác:

➤ Từ 07/2004 – 09/2009: BQL dự án Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam

➤ Từ 9/2009 – 04/2011: CB nghiệp vụ công ty bảo hiểm Vietinbank.

➤ Từ 04/2011 – 11/2011: Phó Trưởng phòng phụ trách nghiệp vụ Công ty bảo hiểm BIC Đà Nẵng

➤ Từ 11/2011 – 01/2012: Thành viên ban thư ký của Cty CP Lương thực Đà Nẵng.

➤ Từ 01/2012 – 7/2012: Trưởng phòng Hành chính Nhân sự Cty CP Lương thực Đà Nẵng.

➤ Từ 07/2012 – Nay : Phó Tổng giám đốc Cty CP Lương thực Đà Nẵng.

- Số cổ phần sở hữu: Không

*** Trần Thị Mỹ Linh: Kế toán trưởng Công ty**

- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 19/11/1979

- Nơi sinh: Quảng Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Nam Phước – Duy Xuyên – Quảng Nam

- Địa chỉ thường trú: 54 Nguyễn Thi – P.Hòa Cường Nam – Q. Hải Châu – Đà Nẵng

- Số CMND : 201642857

12
T
L
A
T
T

- Điện thoại liên lạc: 0905157639
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Tài chính – Kế toán.
- Quá trình công tác:
 - Từ 10/2002 – 01/2005: Kế toán tại Công ty TNHH Thành Nhân.
 - Từ 02/2005 – 09/2005: Kế toán Phòng TCKT Công ty Lương thực Đà Nẵng.
 - Từ 10/2005 – 07/2007: Trưởng phòng TCKT Xí nghiệp Ái Việt - Cty CP Lương thực Đà Nẵng.
 - Từ 08/2007 – 12/2007: Phó phòng TCKT Cty CP Lương thực Đà Nẵng.
 - Từ 01/2008 – 7/2010: Kế toán trưởng Cty CP Lương thực Đà Nẵng.
 - Từ 08/2010 – 12/2010: Trưởng phòng Kinh doanh Cty CP Lương thực Đà Nẵng.
 - Từ 01/2011 – 06/2013: Phó Tổng giám đốc Cty CP Lương thực Đà Nẵng.
 - Từ 06/2013 – Nay: Kế toán trưởng Cty CP Lương thực Đà Nẵng.

- Số cổ phần sở hữu: 50.000 cp

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1%

- Thay đổi trong Ban điều hành trong năm: Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đồng thời bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Trần Thị Mỹ Linh từ ngày 01/6/2013 và miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Thanh Hà từ ngày 01/6/2013. Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty CP Lương thực Hòa Khánh đối với bà Trần Thị Mỹ Linh kể từ ngày 01/02/2013.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :

+ *Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty*

Tính đến ngày 31/12/2013 số lượng cán bộ công nhân viên Công ty là: 109 người. Trong đó hợp đồng dài hạn : 102 người, lao động nữ 76 người chiếm 74,5%.

+ *Chính sách đối với người lao động:*

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng với quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi nhằm thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ ba tháng trở lên.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, người lao động.

3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:** Trong năm Công ty không có các khoản đầu tư lớn.

a) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

Đvt: đồng

Tên Công ty	Kết quả SXKD năm 2013	Ghi chú
1.Công ty TNHH MTV Lương thực Hòa Khánh	-16.365.096	100% VDL
2.Công ty CP Phú Tam Khôi	-4.592.196.250	30% VDL
3. Công ty TNHH MTV Hải Vân Long	-520.473.343	Đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư từ 12/6/2013

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	365.818.364.693	340.828.686.944	107,3
Doanh thu thuần	413.442.293.956	416.496.505.929	99,3
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	587.968.151	3.775.082.086	15,6
Lợi nhuận khác	182.136.902	(183.174.695)	199,4
Lợi nhuận trước thuế	(607.553.822)	1.839.798.907	-133%
Lợi nhuận sau thuế	(1.289.451.829)	637.445.576	-202
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(258)	127	-203

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

DVT: Đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	1,1	1,11	
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)			
+ Hệ số thanh toán nhanh : $\frac{\text{TSLĐ} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	1,04	1,01	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,86	0,85	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	6,2	5,73	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: $\left(\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}} \right)$	17,8	19,09	

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,13	1,222	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,003	0,0015	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,025	0,013	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,004	0,002	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,001	0,009	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

- Cơ cấu cổ đông:

STT	CỔ ĐÔNG	CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ
A	Cổ đông trong nước	5.000.000	100%
I	Cổ đông cá nhân		
1	Cổ đông lớn (>5%)	1.988.801	39,8%
2	Cổ đông nhỏ (<5%)	1.515.672	30,31%
II	Cổ đông tổ chức		
1	Cổ đông nhà nước	1.495.527	29,91%
B	Cổ đông nước ngoài	0	0

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

d) Các chứng khoán khác: Trong năm qua Công ty không phát hành thêm bất cứ loại chứng khoán nào.

IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2013 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	So sánh cùng kỳ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	413.438.008.242	415.611.086.111	99,5%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.736.874.159	26.879.049.952	39,9%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-41.132.575	1.502.112.463	-102,7%
Lợi nhuận khác	183.937.268	-244.034.510	175,3%
Tổng lợi nhuận trước thuế	142.804.693	1.258.077.953	11,35%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.553.721	630.619.370	0,25%

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013 gặp rất nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế kéo dài, thị trường bất động sản đóng băng, hoạt động xuất khẩu lương thực giảm sút, lãi suất ngân hàng tuy đã được NHNN điều chỉnh giảm nhưng vẫn còn cao, chi phí tài chính của Công ty quá lớn.... Vì vậy kết quả hoạt động SXKD năm 2013 đạt được rất thấp, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 1.553.721 đồng tương đương 0,25% so với năm 2012.

Bên cạnh đó, hoạt động của các công ty con, Công ty liên kết trong năm qua bị âm nên cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động SXKD chung của toàn Công ty. Kết quả hợp nhất của Công ty đến 31/12/2013 bị lỗ đến 1.289.451.829 đồng.

Trong năm qua, Công ty đã có nhiều cố gắng để duy trì hoạt động, tạo công ăn việc làm cho người lao động, lèo lái Công ty vượt qua khó khăn để tồn tại và phát triển.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Ghi chú
1. Tổng tài sản	365.818.364.693	340.828.686.944	
2. Vòng quay hàng tồn kho	17,8	19,09	
3. Vòng quay khoản phải thu	3,27	3,15	
4. Vòng quay tài sản	1,17	0,67	

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Ghi chú
1. Nợ phải trả	315.051.208.517	290.188.834.853	
2. Tỷ số nợ	0,86	0,85	
3. Nợ dài hạn/Doanh thu	0,05	0,047	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý là những nhiệm vụ thường xuyên trong Công ty.

- Cải tiến công tác quản lý, tổ chức sản xuất, quản lý chi phí, quản lý lao động, quản lý chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tăng thu nhập, giải quyết tốt các chính sách cho người lao động.

- Sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế làm việc, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế dân chủ đúng với quy định của pháp luật và thực tế của Công ty.

- Công tác tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp với nhu cầu và điều kiện của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực vào đầu tư và khai thác dự án căn hộ chung cư F Home đặt tại 16 Lý Thường Kiệt – TP Đà Nẵng. Xây dựng phương án huy động và thu xếp vốn cho dự án, chuẩn bị đầu tư từ nguồn vốn huy động của khách hàng, đối tác đầu tư và các tổ chức tín dụng.

Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ chi phí SXKD, đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm để cạnh tranh với các đối thủ khác.

5. *Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của Kiểm toán:*

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty CP Lương thực Đà Nẵng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán theo số 531/2014/BCKT-AAC ngày 04/04/2014. Trong báo cáo kiểm toán có ý kiến trái ngược của Kiểm toán viên. Về việc này, Công ty xin giải trình như sau:

- Đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, Công ty CP Lương thực Đà Nẵng chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2013 của 2 Công ty nhận đầu tư là Công ty CP Lương thực Quảng Ngãi và Công ty CP Sao Thập Mười.
- Một số khoản nợ phải thu Công ty không trích lập dự phòng là do Công ty đánh giá tốt các khoản công nợ này, cụ thể:
 - + Tiền Công ty ứng trước cho khách hàng là Công ty Ngọc Phan để mua dây chuyền sản xuất bia, hiện nay công ty đã nhận bàn giao dây chuyền này, tuy nhiên do một số lỗi kỹ thuật nên Công ty chưa đồng ý thanh toán tiếp cho khách hàng để nhận hóa đơn. Do vậy đây là khoản ứng trước cho khách hàng và Công ty đang tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng với khách hàng.
 - + Công nợ của Công ty CP Lương thực Quảng Ngãi vẫn được thu hồi một phần vào tháng 12/2013 và Công ty CP Lương thực Quảng Ngãi có cam kết sẽ thanh toán dứt điểm trong 06 tháng đầu năm 2014.
 - + Công nợ của Ông Trần Văn Sành đã thu được một phần trong tháng 1/2014 và ông Sành đã cam kết thanh toán hết trong năm 2014.

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

Chịu ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng kinh tế, trong năm qua hoạt động SXKD của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, thị trường bất động sản bị đóng băng, đầu ra xuất khẩu lương thực thấp, chi phí tài chính lớn, các đơn vị liên kết hoạt động không hiệu quả... dẫn đến kết quả hoạt động SXKD năm 2013 bị lỗ 1.289.451.829 đồng. Trong năm qua, Công ty hoàn thành nghĩa vụ thuế, đảm bảo quyền lợi chính đáng hợp pháp của người lao động.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*

Trong năm 2013, Ban giám đốc đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo Điều lệ Công ty. Ban giám đốc đã cùng với các bộ phận chuyên môn có nhiều cố gắng duy trì hoạt động của Công ty. Tích cực tìm kiếm các đối tác có tiềm lực về tài chính để hợp tác thực hiện dự án của Công ty.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Năm 2014, HĐQT sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng hoạt động, hỗ trợ sát sao hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt được mục tiêu an toàn và hiệu quả, cụ thể:

- Định hướng hoạt động đầu tư an toàn. Tập trung hoạt động cốt lõi.
- Định hướng tập trung dự án F Home.
- Định hướng mô hình tổ chức, tăng cường đội ngũ nhân sự có tay nghề cao.
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng quản lý điều hành nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh năm 2014.

VI. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

S t	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu/đại diện cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu/đại diện cổ phiếu cuối kỳ
1	Phạm Tấn Cung	Chủ tịch HĐQT	1.445.448	28,9%
2	Ông Đặng Văn Lạc <i>Đại diện vốn của TCT Lương thực Miền Nam</i>	TV HĐQT không điều hành	995.527	19,91%
3	Trần Chí Nghĩa	UV HĐQT - PTGD	40.881	0,81%
4	Hà Tuấn Anh	TV HĐQT độc lập	45.727	0,91%
5	Nguyễn Thị Tuyết Mai	UV HĐQT không điều hành	65.900	1,32%

Nguồn: Theo danh sách do TTLK chốt ngày 20/3/2014

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động của Hội đồng Quản trị trên nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy được sức mạnh tập thể, chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết, của Đại hội đồng cổ đông, chính sách pháp luật của Nhà nước. Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát tình hình thực tế, đề ra chủ trương cho sự phát triển của Công ty.

Trong năm qua, HĐQT đã có nhiều cố gắng để thực hiện nhiệm vụ chiến lược đã đề ra trong điều kiện kinh doanh có nhiều khó khăn do tác động của lạm phát và khủng hoảng suy thoái kinh tế toàn cầu và những diễn biến về kinh tế vĩ mô không có lợi cho nền kinh tế trong nước. Tuy chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty chưa hoàn thành theo kế hoạch mà ĐHCĐ đã thông qua, nhưng cũng phải ghi nhận những nỗ lực nhằm duy trì hoạt động, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, ổn định đời sống cho người lao động;

Trong năm qua, Hội đồng Quản trị đã có 06 cuộc họp để bàn bạc và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Biên bản họp được lập chi tiết rõ ràng và được lưu giữ đầy đủ theo quy định của điều lệ Công ty. Các quyết định, nghị quyết được ban hành kịp thời để ban điều hành triển khai thực hiện.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Hầu hết các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty đều đã tham gia các chương trình về quản trị Công ty do Ủy Ban chứng khoán tổ chức nhưng chưa có chứng chỉ đào tạo.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

S tt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu/đại diện cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu/đại diện cổ phiếu cuối kỳ
1	Ông Châu Hiếu Dũng <i>Đại diện vốn của TCT Lương thực Miền Nam</i>	Trưởng ban Kiểm soát	500.000	10%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS	50.000	1%
3	Bà Lê Thị Thu Sương	Thành viên BKS	50.000	1%

Nguồn: Theo danh sách do TTLK chốt ngày 20/3/2014

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, Trưởng Ban kiểm soát là người đại diện vốn của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam, 2 thành viên còn lại đều là cổ đông của Công ty. Ban kiểm soát luôn theo dõi sát hoạt động của Công ty, tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và thường xuyên có đóng góp về hoạt động của Công ty, kịp thời kiến nghị Hội đồng Quản trị những vấn đề cần quan tâm, nhất là trong công tác quản lý tài chính, quản lý chi phí. Hàng năm Ban kiểm soát đều có báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên về hoạt động của Công ty và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Lương (VND)	Thù lao (VND)	Tổng cộng
I	Hội đồng Quản trị			
1	Ông Phạm Tấn Cung	10.000.000	1.000.000	11.000.000
2	Ông Trần Chí Nghĩa	9.000.000	1.000.000	10.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	6.000.000	1.000.000	7.000.000
4	Ông Hà Tuấn Anh		1.000.000	1.000.000
5	Ông Đặng Văn Lạc		1.000.000	1.000.000
II	Ban kiểm soát			
1	Châu Hiếu Dũng		1.000.000	1.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Phương Lan		1.000.000	1.000.000
3	Bà Lê Thị Thu Sương		1.000.000	1.000.000
III	Ban giám đốc & Kế toán trưởng			
1	Ông Trần Kiều Việt Kỳ	9.000.000		9.000.000
2	Trần Thị Mỹ Linh	9.000.000		9.000.000

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Xem thông tin trên báo cáo kiểm toán
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không

VII. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 531/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 04 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông

Công ty Cổ phần Lương thực Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 03/04/2014 của Công ty Cổ phần Lương thực Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 14, chúng tôi không được cung cấp báo cáo tài chính của 2 công ty nhận đầu tư (Công ty CP Lương thực Quảng Ngãi và Công ty CP Sao Thập Mười), giá gốc của các khoản đầu tư này là 2,32 tỷ đồng và chưa được trích lập dự phòng. Với hạn chế này chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hợp lý của việc trích lập dự phòng liên quan đến các khoản đầu tư này.
2. Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, số dự phòng trích lập thiếu so với quy định là 7.139.380.750 đồng. Nếu hạch toán đầy đủ dự phòng theo đúng quy định, trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, chỉ tiêu “Các khoản phải thu ngắn hạn” sẽ giảm tương ứng, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ lỗ 7.347.152.323 đồng. Đồng thời, khoản mục “Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp” năm 2013 sẽ lỗ 8.287.581.607 đồng thay vì ghi nhận lỗ 1.289.451.829 đồng như trình bày tại Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất đính kèm.

Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược”, báo cáo tài chính hợp nhất đã không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, không phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 33c, số dư nợ gốc cho vay đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên tại thời điểm 31/12/2013 là 74.736.854.000 đồng (ngoài ra, nợ lãi chưa thu tương ứng 24.039.348.180 đồng). Việc Công ty cấp khoản vay đối với các bên liên quan này là vi phạm quy định tại Điều 23 của Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.

Trần Thị Phương Lan

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0396-2013-
010-1

Đinh Thị Ngọc Thùy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1463-2013-
010-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán. (Tham khảo báo cáo tài chính Công ty tại trang web: <http://www.danafood.com.vn>).

Nơi nhận:

- UBCK NN
- Trung tâm lưu ký
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch *md*



Phạm Tấn Cường